

Số: /BC-UBND

Tân Tứ, ngày tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO
Về công tác cải cách hành chính quý III năm 2023

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.

1. Về tổ chức, chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện.

- Việc xây dựng ban hành kế hoạch: UBND xã Tân Tứ đã ban hành kế hoạch về công tác CCHC năm 2023 và kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2023.

Trong quý III công tác chỉ đạo điều hành CCHC tiếp tục được thực hiện, đặc biệt là chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thuộc khối UBND xã triển khai thực hiện tốt các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực mình phụ trách, đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các tập thể, cá nhân khi đến giao dịch.

2. Kết quả đạt được.

- Công tác tuyên truyền: Đã được quan tâm triển khai thực hiện, các văn bản của cấp trên về chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác CCHC đều được UBND xã chỉ đạo các ngành chuyên môn tuyên truyền sâu rộng đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn toàn xã, trong quý III năm 2023 đã thực hiện tuyên truyền được 02 lượt buổi tại thôn và 03 buổi tại các cuộc họp của UBND xã, ngoài ra công tác tuyên truyền còn được thực hiện qua hệ thống loa truyền thanh của xã.

- Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC năm 2023 (Có biểu chi tiết kèm theo)

II/. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

- Công tác cải cách hành chính đơn vị ngày càng được quan tâm đi vào nề nếp, chất lượng và hiệu quả công việc ngày một rõ nét hơn, góp phần thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành trong việc thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh được giao ở địa phương có hiệu quả hơn; việc niêm yết công khai thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính đã giảm bớt được số thủ tục hành chính sai, trễ hẹn và rút ngắn thời gian nhận và trả hồ sơ, giảm chi phí và phiền hà cho các tổ chức, cá nhân

- Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức; chế độ báo cáo thực hiện nghiêm túc; việc chấp hành quy chế hoạt động của cơ quan, quy chế văn hóa công sở, quy tắc ứng xử của CBCC được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được phổ biến.

1. *Thuận lợi:* Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền cấp trên và sự quan tâm sát sao của Đảng ủy, chính quyền địa phương. Công tác cải cách hành chính tại đơn vị có sự thuận lợi cho quá trình thực hiện nhiệm vụ. Hiện đại hóa hành chính được trú trọng, trang bị các máy phô tô, vi tính, kết nối internet phục vụ công tác.

2. *Khó khăn:* Bên cạnh những thuận lợi địa phương có những khó khăn nhất định như việc cải cách hành chính và hiện đại hóa hành chính chưa được đồng bộ; việc ứng dụng các phần mềm trong giải quyết TTHC còn hạn chế.

IV- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2023.

1- Tiếp tục triển khai, thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của cấp trên về CCHC, xây dựng kế hoạch CCHC của đơn vị.

2- Làm tốt công tác tuyên truyền CCHC.

3- Tiếp tục duy trì việc niêm yết các thủ tục hành chính tại UBND xã.

4- Duy trì thực hiện giải quyết công việc theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đảm bảo trang thiết bị phục vụ công tác cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị.

5- Triển khai việc chấm điểm chỉ số CCHC, tổng kết đánh giá thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2023.

V. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ: Không có.

Trên đây là báo cáo của UBND xã Tân Tú về kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong quý III và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2023./.

Nơi nhận:

* *Gửi bản điện tử.*

- Phòng Nội vụ huyện;

- Đảng ủy - HĐND xã;

- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Triệu Quốc Toàn

Phụ lục I
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC
Các xã, thị trấn

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	1	
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	71	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	5	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.3.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.4	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không	Không	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	120	
Trong đó				
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	120	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	120	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục	120	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	358	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	358	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số liệu về biên chế cán bộ, công chức			
4.1.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22	
4.1.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.1.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	02	
4.1.4	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của cán bộ, công chức			
	Số cán bộ, công chức đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100	
5.2	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.2.1	Số cán bộ bị kỷ luật.	Người	0	
5.2.2	Số công chức bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6	Cải cách tài chính công			
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước		133	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	98	
7.2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	0	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	0,95	
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	6	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	0	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia	%	0	
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của cơ quan, đơn vị	Thủ tục	0	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	0	
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)	Hồ sơ	63	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	6	
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	0	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	